

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HS-ST  
Ngày 29-8-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LG**

**- T2nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Chu Quốc Đ

Ông Nguyễn Văn Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện LG.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ L số: 69/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Đào Văn L**; tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; sinh năm 1986; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn TN, xã YM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Họ và tên bố: Đào Văn Th, sinh năm 1951; Họ và tên mẹ: Trần Thị M, sinh năm 1952; Gia đình có 06 anh, chị em, bản thân là thứ sáu; vợ, con chưa có;

Nhân thân:

- Ngày 20/4/2005, Công an huyện LG xử phạt vi phạm hành CH3 về hành vi trộm cắp tài sản.

- Bản án số 43/2005/HSST ngày 28/10/2005, Tòa án nhân dân huyện LG xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Chấp hành xong án phí ngày 26/12/2005.

- Bản án số 51/2008/HSPT ngày 22/4/2008, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 năm tù về tội Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của bản án số 43/2005/HSST

ngày 28/10/2005 của Tòa án nhân dân huyện LG. Buộc L pH1 chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 10 năm tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/02/2016, chấp hành xong án phí ngày 29/8/2008.

Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ tạm giam từ ngày 21/4/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **L Văn CH**; tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; sinh năm 1987; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 14A ( nay là xóm Q), xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Họ và tên bố: L Văn S1 (đã chết); Họ và tên mẹ: Tăng Thị Ng, sinh năm 1961; Gia đình có 03 anh, em, bản thân là thứ nhất; Họ và tên vợ: Vương Thị V, sinh năm 1990 (đã ly hôn); Bản thân có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ tạm giam từ ngày 21/4/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang có mặt tại phiên tòa.

*-Bị hại:*

1. Chị Phạm Thị L9, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn G3, xã NH8, huyện YD, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Đào Văn T2, sinh năm 1951 (vắng mặt)

3. Bà Trần Thị M2, sinh năm 1952 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn TN, xã YM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

*- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trương Văn H1, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Q1, huyện LN7, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Lê Minh CH3, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2 A phường Trần Nguyên Hãn, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

*- Người làm chứng:*

1. Chị Hà Thị L5, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn G3, xã NH8, huyện YD, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Đào Thị TH4, sinh năm 1982 (có mặt)

3. Anh Đặng Tuấn Đ, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn TN, xã YM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 07 giờ ngày 18/4/2022, tại phòng trọ ở thôn Giá, xã NH8, huyện YD, tỉnh Bắc Giang của chị Hà Thị L5 (người yêu L), Đào Văn L hỏi mượn chiếc xe mô tô Honda Vision màu đỏ nâu, biển kiểm soát 36H1-091.49 của chị Phạm Thị L9, sinh năm 2002 (con gái chị L5) để về nhà lấy giấy tờ đi xin việc. Chị L9 đồng ý và đưa chìa khóa và các giấy tờ xe cho L. Trên đường đi, L rẽ vào một quán nước gần đường gom cao tốc Hà Nội - Bắc Giang

để trú mưa và uống nước. Lúc này, L nảy sinh ý định mang chiếc xe mô tô của chị L9 đi bán, cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. L điều khiển xe đến cửa hàng xe máy Đức H1 Motor ở thôn C1, xã T0, huyện V, tỉnh Bắc Giang bán cho anh Trương Văn H1 với giá 20.000.000 đồng.

Cùng ngày 18/4/2022, sau khi bán xe, L đi lên huyện H, tỉnh N để xin việc làm nhưng không được và đã chi tiêu cá nhân hết số tiền bán xe. Do không có tiền chuộc xe trả cho chị L9 nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bố mẹ L. L nhờ 01 người nam giới lái xe ôm không quen biết đóng giả là chủ nợ của L, L đưa điện thoại lắp số thuê bao 0378.576.856 để nam giới gọi điện vào số điện thoại 0333.154.379 của bà Trần Thị M2 là mẹ của L, thông báo về việc L bị chủ nợ bắt giữ, yêu cầu người nhà trả nợ cho L số tiền 50.000.000 đồng thì sẽ thả người. Ngày 19/4/2022, L gọi điện cho L Văn CH, sinh năm 1987 ở xóm 14A, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là Xóm Q, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An) đang ở phòng trọ H1 Khanh thuộc tổ dân phố số 3, thị trấn Kép, huyện LG, tỉnh Bắc Giang và đến ở cùng phòng trọ số 09 với Chiến. Tại đây, L nói cho Chiến biết việc bán xe mô tô của bạn gái được số tiền 20.000.000 đồng và đã chi tiêu hết, hiện không có tiền chuộc xe. L bảo Chiến đóng giả là chủ nợ gọi điện cho gia đình L thông báo việc bắt giữ L, yêu cầu người nhà trả nợ cho L số tiền 50.000.000 đồng thì sẽ thả người, Chiến đồng ý. Đến buổi tối ngày 19/4/2022, L lắp số thuê bao 0378.576.856 vào điện thoại của Chiến rồi tiếp tục gọi điện thoại cho bà M2 để Chiến nói chuyện. Chiến nói, trước đây L vay số tiền 10.000.000 đồng, cả gốc và lãi đến giờ là 50.000.000 đồng, L không trả nên bị bắt giữ, yêu cầu gia đình trả nợ cho L số tiền 50.000.000 đồng thì mới thả người. Quá trình nói chuyện L bảo Chiến bật mở loa ngoài của điện thoại để L ngồi bên cạnh nhắc. Sáng ngày 20/4/2022, L đi ra chợ Kép thuộc thị trấn Kép, huyện LG, tỉnh Bắc Giang mua tiết lợn mang về phòng trọ. L bôi tiết lợn lên mặt và bảo Chiến dùng điện thoại chụp ảnh lại để giả vờ bị đánh chảy máu gửi cho người nhà của L để uy hiếp tinh thần buộc pH1 chuyển tiền cho L. Sau đó, L dùng tài khoản Zalo “Vanly” được đăng ký bằng số điện thoại 0877.342.243 gửi tin nhắn hình ảnh mặt dính tiết lợn đến tài khoản Zalo “Phổ Đêm” của chị L5 và tài khoản Zalo “Tuấn Đ” của anh Đặng Tuấn Đ, sinh năm 1985 ở thôn TN, xã YM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang (anh rể L). Đồng thời, L sử dụng số điện thoại 0877.342.243 nhắn tin gửi số tài khoản 1012474428 mang tên Đào Văn L của ngân hàng Vietcombank vào số điện thoại của bà M2 để chuyển tiền. Từ tối ngày 19/4/2022 đến trưa ngày 21/4/2022, L và Chiến nhiều lần sử dụng số thuê bao 0877.342.243, 0378.576.856, tài khoản Zalo “Vanly” gọi điện, nhắn tin đến bà M2, chị Đào Thị TH4, sinh năm 1980 (chị gái L), chị L5, anh Đ đe dọa việc L bị giữ, đánh, không ăn được, người yếu, đồng thời hiện giữ cả xe của chị L9, yêu cầu gia đình chuyển tiền vào tài khoản nếu không tính mạng của L sẽ không được đảm bảo. Ngày 20/4/2022, ông Đào Văn T2, sinh năm 1951 (bố đẻ L) đã làm đơn trình báo gửi đến Công an huyện LG về việc có người gọi điện cưỡng đoạt tài sản đối với gia đình ông; Ngày 22/5/2022,

chị Hà Thị L5 đến Công an xã NH8, huyện YD trình báo việc L mượn xe mô tô BKS 36H1 – 09149 đến nay chưa trả lại con gái chị.

Ngày 21/4/2022, Công an huyện LG phối hợp với Công an thị trấn Kép kiểm tra hành CH3 tại phòng trọ số 09 của nhà trọ H1 K phát hiện Đào Văn L và L Văn CH đang ở phòng trọ nên đã mời về trụ sở làm việc. Quá trình làm việc, L và Chiến đã đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nêu ở trên, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 điện thoại Iphone màu vàng lấp số thuê bao 0378.576.856; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen nhãn hiệu “Neffos”, lấp số thuê bao 0877.342.243; 01 (một) ví giả da màu nâu; 02 thẻ ATM mang tên Đào Văn L; 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn Tr, sinh năm 2004, trú tại Thôn T4, xã G, huyện LG2, tỉnh Thanh Hoá là con trai chị L5; 01 căn cước công dân mang tên Hà Thị L5; 01 đăng ký xe mang tên Hà Thị L5 do L và Chiến giao nộp.

Ngày 21/4/2022, chị Đào Thị TH4 giao nộp 01 chiếc đĩa DVD màu vàng bên trong lưu trữ 05 file ghi âm các cuộc nói chuyện điện thoại của chị Thuỷ với đối tượng chủ nợ bắt giữ L, yêu cầu đòi tiền chuộc. Tại Bản kết L5 giám định số 1122/KL-KTHS ngày 30/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang đã xác định được nội dung các cuộc hội thoại trong 05 file ghi âm trên.

Ngày 21/5/2022, anh Trương Văn H1 bán chiếc xe mô tô Honda Vision màu đỏ nâu, biển kiểm soát 36H1-091.49 cho anh Lê Minh CH3, sinh năm 1979 ở tổ 2A, phường Trần Nguyên Hãn, T2nh phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang với giá 25.800.000 đồng. Ngày 26/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện YD ra Quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu đối với chiếc xe mô tô trên cùng 01 tờ giấy màu vàng có tiêu đề GIẤY BÁN XE MÁY của anh Lê Minh CH3.

Tại Bản kết L5 định giá tài sản số 35/KL-HĐĐGTS ngày 27/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản- UBND huyện YD kết L5: Tại thời điểm bị chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision màu đỏ nâu, biển kiểm soát 36H1-091.49 có giá trị 31.760.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đào Văn L và L Văn CH đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội Cáo trạng đã nêu.

Cáo trạng số 67/CT-VKS ngày 09/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện LG đã truy tố bị cáo Đào Văn L về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 170 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo L Văn CH về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Đào Văn L** từ **03** năm **03** tháng đến **03** năm **06** tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” từ **24** tháng đến **30** tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm

chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 21/4/2022. Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội.

Buộc **Đào Văn L** pH1 chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ **05** năm **03** tháng đến **06** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 21/4/2022. Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt **L Văn CH** từ **03** năm đến **03** năm **03** tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 21/4/2022. Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử L trách nhiệm dân sự, xử L vật chứng và tiền án phí dân sự sơ thẩm, tiền án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh L5 tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá một cách khách quan, toàn diện, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Công an huyện LG, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện LG, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai lưu tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử, chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong quá trình điều tra tại phiên tòa.

[2] Về căn cứ xác định hành vi của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng phù hợp với tang vật thu giữ được về thời gian, không gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết L5:

Khoảng 07 giờ ngày 18/4/2022, tại phòng trọ ở thôn Giá, xã NH8, huyện YD, tỉnh Bắc Giang, Đào Văn L có hành vi mượn xe mô tô biển kiểm soát 36H1-091.49 trị giá 31.760.000 đồng của chị Phạm Thị L9 để đi xin việc. Sau khi mượn được xe, L đã đem đi bán trái phép cho người khác được số tiền 20.000.000 đồng sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân hết dẫn đến không có khả năng trả lại xe cho chị L9.

Từ ngày 19/4/2022 đến ngày 21/4/2022, Đào Văn L và L Văn CH có hành vi gọi điện, nhắn tin, mua tiết lợn bôi lên mặt L chụp ảnh lại đe dọa, uy hiếp tinh thần đối với bà Trần Thị M2, chị Hà Thị L5, anh Đặng Tuấn Đ, chị Đào Thị TH4 để ép bà Trần Thị M2 và ông Đào Văn T2 pH1 chuyển số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) vào tài khoản của L nhằm chiếm đoạt, lấy tiền chi tiêu.

Hành vi của **Đào Văn L** đủ yếu tố cấu T2nh của tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự, và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của **L Văn CH** đủ yếu tố cấu T2nh của tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người đủ tuổi, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp việc các bị cáo bị truy tố, xét xử với tội danh và điều luật viện dẫn ở trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân.

Bị cáo L và bị cáo Chiến có hành vi uy hiếp tinh thần của người khác nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản phục vụ cho bản thân. Ngoài ra bị cáo L có hành vi lạm dụng tín nhiệm của người khác mượn xe đem đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nêu trên. Do đó cần pH1 xử L về hình sự để giáo dục các bị cáo trở T2nh công dân biết tuân thủ pháp luật.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo T2nh khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú, riêng bị cáo Đào Văn L có bố được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến hạng nhất, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, nên cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho các bị cáo khi lượng hình thể hiện sự khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Từ những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của

bị cáo nêu trên. HĐXX xét thấy bị cáo Đào Văn L có nhân thân xấu đã từng bị nhiều lần xét xử về các hành vi chiếm đoạt tài sản, nay tiếp tục phạm nhiều tội nên cần thiết pH1 cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để giáo dục chung và phòng ngừa riêng.

Đối với bị cáo L Văn CH phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Đào Văn L thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản nên pH1 chịu trách nhiệm hình sự với vai trò sau bị cáo L và cần thiết pH1 cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục chung và phòng ngừa riêng.

Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Do các bị cáo không có nghề nghiệp, bản thân các bị cáo không có tài sản riêng nên HĐXX miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo, để các bị cáo yên tâm cải tạo sớm có điều kiện trở về làm ăn lương thiện.

Đối với mức hình phạt mà đại diện VKS đề nghị áp dụng đối với các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần chấp nhận.

Do các bị cáo đang bị tạm giam nên HĐXX Quyết định tạm giam các bị cáo theo quy định tại Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự để đảm bảo thi hành án.

Đối với người nam giới lái xe ôm, L nhờ gọi điện cho gia đình thông báo việc bị bắt giữ, đánh gây thương tích, yêu cầu trả tiền nợ. Bản thân L không biết lai lịch của người nam giới nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh triệu tập và xử L. Đối với anh Trương Văn H1 không biết chiếc xe mô tô L mang đến bán là do phạm tội mà có, đồng thời L không nói cho anh H1 biết chiếc xe mô tô trên là do L mượn của chị L9 sau đó tự ý mang đi bán. Do vậy, cơ quan điều tra không có căn cứ để xử L anh H1 về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, HĐXX xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Phạm Thị L9, ông Đào Văn T2 và bà Trần Thị M2 không có yêu cầu bồi thường gì nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Trương Văn H1 yêu cầu Đào Văn L bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, tiền anh đã mua xe của L. Anh Trương Văn H1 đã bồi thường cho anh Lê Minh CH3 được số tiền 22.000.000 đồng, anh CH3 yêu cầu anh H1 bồi thường tiếp số tiền 3.800.000 đồng còn lại đã bỏ ra để mua xe. HĐXX xét thấy yêu cầu của anh H1, anh CH3 là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 589; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận.

[6] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Ngày 12/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện LG ra Quyết định xử L vật chứng trả lại: 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn Trường cho anh Trường; 01 căn cước công dân và 01 đăng ký xe mang tên Hà Thị L5 cho

chị L5. Ngày 13/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện YD ra Quyết định xử L vật chứng trả lại cho chị Phạm Thị L9 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36H1-091.49 và đăng ký xe trên, HDXX xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với 01 điện thoại Iphone màu vàng lắp số thuê bao 0378.576.856; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen nhãn hiệu “Neffos”, lắp số thuê bao 0877.342.243 bị cáo sử dụng làm phương tiện liên lạc thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 (một) ví giả da màu nâu; 02 thẻ ATM mang tên Đào Văn L, là tài sản cá nhân nên cần trả lại bị cáo.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đào Văn L và L Văn CH mỗi bị cáo pH1 chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Đào Văn L pH1 chịu 1.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Đào Văn L 03** (ba) năm **03** (ba) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và **02** (hai) năm **03** (ba) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 21/4/2022.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội.

Buộc bị cáo **Đào Văn L pH1** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội **05** (năm) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 21/4/2022.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt **L Văn CH 03** (ba) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 21/4/2022.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 589; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Đào Văn L pH1 bồi thường cho anh Trương Văn H1 số tiền 20.000.000 đồng.

Buộc anh Trương Văn H1 pH1 hoàn trả cho anh Lê Minh CH3 số tiền 3.800.000 đồng.

*Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người pH1 thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền pH1 thi hành án thì người pH1 thi hành án còn pH1 chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.*

3. Về xử L vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại Iphone màu vàng lấp số thuê bao 0378.576.856; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen nhãn hiệu “Neffos”, lấp số thuê bao 0877.342.243;

Trả lại bị cáo Đào Văn L 01 (một) ví giả da màu nâu; 02 thẻ ATM mang tên Đào Văn L.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đào Văn L và L Văn CH mỗi bị cáo pH1 chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Đào Văn L pH1 chịu 1.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Trương Văn H1 pH1 chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng Đ hoặc niêm yết bản án.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***

- TAND, VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND, CA, Chi cục THADS huyện LG;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng TTĐT Tòa án;
- Bị cáo;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Quỳnh Hoa**

